TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS - PT
Ngày 02 – 4 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
tặng cho tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn, bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 304/2020/TLPT- DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2020/DS - ST ngày 30/10/2020 của Toà án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐ - PT ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Ông Trương H ; trú tại: NQ, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn P; trú tại: XVNT, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Phan Thị N (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn P; trú tại: XVNT, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Trương Thị D; trú tại: LL, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Bà Trương Thị K; trú tại: LTK, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Bà Trương Thị M; trú tại: NQ, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Trương T và bà Nguyễn Thị V; trú tại: NQ, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Dương Thị A; địa chỉ: Khối X, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim B; địa chỉ: LTK, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; địa chỉ: HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình K1 – chức vụ: Chi cục Phó chi cục THADS huyện CM; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Phan Thị C; địa chỉ: PBC, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Chung cư G, NCT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị S; địa chỉ: Khối Y, thị trấn ET, huyện J, tỉnh ĐắkNông; vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện CM;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn N1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện CM;

Địa chỉ: đường HV, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

8. Ngân hàng A Việt nam

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A Việt nam – Chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Tây Nguyên; vắng mặt

Địa chỉ: LD, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Anh Trương TH;

10. Anh Trương TS;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; cùng vắng mặt.

11. Ông Trương Minh U; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

12. Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim B – là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương H, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn P trình bày:*

Ông Trương H và bà Phan Thị N là vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m2 tọa lạc tại số 91 NQ, tổ dân phố X, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Vào ngày 11/4/2006 ông Trương T và bà Nguyễn Thị V đã tự ý giả mạo chữ ký và chữ viết của ông Trương H và bà Phan Thị N để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (với hình thức ghi là hợp đồng chuyển nhượng) từ ông H và bà N sang cho vợ chồng ông T và bà V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611095 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 19/5/2006. Việc đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khai thuế, khai lệ phí trước bạ lập ngày 05/4/2006, phần kê khai người sử dụng đất lập ngày 05/4/2006 có trước khi hợp đồng tặng cho là ngày 11/4/2006.

Nay nguyên đơn yêu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611095 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 19/5/2006 cho ông T và bà V.

- *Bị đơn ông Trương T, bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Ông Trương T là con ruột ông Trương H và bà Phan Thị N, bà Nguyễn Thị V là con dâu. Trước đây do công việc làm ăn cần phải vay vốn ngân hàng, ông T và bà V thường hay mượn tài sản là quyền sử dụng đất của ông H và bà N để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay. Do tuổi cao nên rất bất tiện trong các lần vay hay ký các giấy tờ cho ngân hàng nên ông T đã lập khống một biên bản họp gia đình có sự tham gia của bà Trương Thị K, Trương Thị D, Trương Thị M, ông Trương Văn P với nội dung ông H và bà N đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng Hội, Tự. Mọi chữ ký trong biên bản đều do ông T, tự ký và đem lên xác nhận tại Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện CM. Sau đó ông T mua hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất mang về nhà và nói với ông H ký vào để ông T và bà V đi vay tiền, còn chữ ký của bà N là do ông T, tự ký vào do bà N không biết chữ. Sau đó ông T, Tự làm thủ tục sang tên thửa đất nói trên từ ông H và bà N sang ông T và bà V và mang đi thế chấp vay vốn Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Đại học Tây Nguyên. Nay ông T và bà V đồng ý trả lại tài sản cho ông H và bà N.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Trương Thị D, Trương Thị K, Trương Thị M trình bày: Các bà đồng ý với trình bày của ông Trương Văn P, đây là tài sản của ông H và bà N nên đề nghị Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng Hội, Tự.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng trình bày:*

*** Bà Dương Thị A, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Thị L trình bày:** Hiện nay bà A, bà B và bà L đang có yêu cầu thi hành án dân sự đối với bà Nguyễn Thị V. Do tài sản của bà V đang bị tranh chấp trong vụ án nên chưa thi hành được. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà V các bà không đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho người được thi hành án.

* **Người đại diện theo ủy quyền Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ông Nguyễn Đình K1 trình bày:** Hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện CM đang kê biên tài sản của ông bà Hội, Tự để giải quyết theo đơn yêu cầu của những người có quyền yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên, do có tranh chấp trong hợp đồng tặng cho nên đang tạm đình chỉ chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

* **Người đại diện theo ủy quyền lại của Ủy ban nhân dân huyện CM: ông Nguyễn Tuấn N1 trình bày**: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Trương H, bà Phan Thị N sang cho ông Trương T và bà Nguyễn Thị V thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m2 tọa lạc tại số 91 NQ, tổ dân phố X, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611095 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 19/5/2006 bà cho ông T và bà V theo đúng trình tự,thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng năm 2006.

Nay bên chuyển nhượng khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các hợp đồng chuyển nhượng (tặng cho) quyền sử dụng đất vì có sự gian dối trong việc xác lập hợp đồng. Ủy ban nhân dân huyện CM đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng A Việt Nam trình bày:** Ông Trương T và bà Nguyễn Thị V đã tất toán cho ngân hàng 597.391.667 đồng theo quyết định số 69/KDTM ngày 30/6/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Ngân hàng đã xóa thế chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611095 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 19/5/2006 cho ông T và bà V. Mọi chi phí liên quan đến thi hành án giữa ngân hàng và ông T và bà V đã giải quyết xong và ngân hàng không có yêu cầu gì khác

*** Ông Trương Minh U trình bày:** Ngày 11/4/2006 ông có ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương H và bà Phan Thị N với ông Trương T và bà Nguyễn Thị V. Do thời gian đã lâu nên ông Mẫn không nhớ rõ quá trình chứng thực. Nay các bên xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* **Đại diện theo ủy quyền lại Ủy ban nhân dân thị trấn QP ông Nguyễn Tấn C1 trình bày**: Việc xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Nay các bên xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự.

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C, Hoàng Thị S, Trương TH, Trương TS** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp vắng những người trên và không hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS - ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 109, điểm c khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 465, 467 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 146 nghị định số 181/2004/NĐ – CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai năm 2003.

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương H và bà Phan Thị N.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/4/2006 giữa ông Trương H và bà Phan Thị N với ông Trương Thái hội và bà Nguyễn Thị V đối với thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m2 tọa lạc tại xã QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk nay là thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0454663 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 26/10/1994.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện CM thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611095 thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 19/5/2006 cho hộ ông Trương T và bà Nguyễn Thị V.

Ông Trương H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N (Trương Văn P, Trương Thị D, Trương Thị K, Trương Thị M) có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m2 tọa lạc tại thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng công nhận hợp đồng tặng cho giữa ông Trương H, bà Phan Thị N với ông Trương T, bà Nguyễn Thị V; không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trương H, bà Phan Thị N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt coi như từ bỏ quyền kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 296 BLTTDS để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B thấy rằng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS – ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện CưM’gar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/4/2021, người kháng cáo bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên coi như từ bỏ quyền kháng cáo. Do đó, HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

[2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Nguyễn Thị Kim B, thấy rằng:

Thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m^2 tọa lạc tại xã QP (nay là thị trấn QP, huyện CM) được UBND huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số Đ0454663 ngày 26/10/1994 cho ông Trương H. Như vậy, theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Trương H và bà Phan Thị N do đó việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình phải có sự thống nhất của vợ chồng. Tại hợp đồng chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất ngày 10/4/2006 giữa bên chuyển nhượng là ông Trương H, bà Phan Thị N với bên nhận chuyển nhượng là ông Trương T, bà Nguyễn Thị V thể hiện bà N có ký và ghi họ tên Phan Thị N tại mục bên chuyển nhượng. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà N là người không biết chữ (chỉ điểm chỉ), cũng không có văn bản, giấy tờ gì có chữ viết, chữ ký hay bút tích gì của bà Phan Thị N. Ông Trương T cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị N trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2006 là do ông tự viết và ký. Vì vậy, không có căn cứ để xác định việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/4/2006 thể hiện ý chí tự nguyện của bà Phan Thị N mà cần xác định hợp đồng này vô hiệu do vi phạm điểm c khoản 1 Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005, vi phạm khoản 3 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (thực tế là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất) giữa ông Trương H, bà Phan Thị N với ông Trương T, bà Nguyễn Thị V là có cơ sở để chấp nhận.

Việc cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m^2 được UBND huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số Đ0454663 ngày 26/10/1994 là tài sản của hộ gia đình và viện dẫn các quy định của pháp luật về hộ gia đình để hủy hợp đồng tặng cho là không chính xác, tuy nhiên việc này không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3]. Xét kháng cáo của bà B cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm của UBND thị trấn QP, huyện CM trong việc chứng thực chữ ký trong hợp đồng tặng cho, HĐXX thấy rằng: Tòa án chỉ giải quyết vụ việc khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không có yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa án xem xét lỗi của các bên trong việc dẫn đến hủy hợp đồng tặng cho, vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét trách nhiệm của UBND thị trấn QP là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nói trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS – ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS – ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N và ông Trương H.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/4/2006 giữa ông Trương H và bà Phan Thị N với ông Trương Thái hội và bà Nguyễn Thị V đối với thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m2 tọa lạc tại xã QP, huyện CM, tỉnh Đăklăk nay là thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0454663 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 26/10/1994.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện CM thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611095 thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 19/5/2006 cho hộ ông Trương T và bà Nguyễn Thị V.

Ông Trương H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị N (Trương Văn P, Trương Thị D, Trương Thị K, Trương Thị M) có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 322, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.220m2 tọa lạc tại thị trấn QP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật

[2]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Trương T và bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sư sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí do ông Trương Văn P nộp thay theo biên lai thu số AA/2010/0020847 ngày 27/11/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0016443 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

- Bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0016442 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

[2.3]. Về chi phí tố tụng: Ông Trương T và bà Nguyễn Thị V phải chịu 3.000.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản (số tiền này ông Trương Văn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp và chi phí xong). Trả lại cho ông Trương Văn P số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chí phí thẩm định và định giá tài sản sau khi thu được của ông Trương T, bà Nguyễn Thị V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Duy Tuấn